TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SA THẦY** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HS-ST
Ngày: 19-10-2023

NHÂN DA1
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trường Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Sao và ông Đỗ Hiền Lương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công A1 - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn A1 Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19-10-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2023/TLST-HS ngày 04-4-2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HS, ngày 04-7-2023, đối với các bị cáo:

1. Y N, sinh năm …., tại Kon Tum; trú tại: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Rơ Ngao; tôn giáo: Công giáo; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nm; con ông .... và bà ....; có chồng tên .... và 01 người con sinh năm ...; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-7-2022 đến ngày 01-02-2023 và được tại ngoại cho đến Ny. (Có mặt).

2. Y N1, sinh năm …., tại Kon Tum; trú tại: Làng Đ, xã Y, huyện N, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Gia Rai; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nm; con ông ..... và bà …….; có chồng tên A Lvà 03 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12-12-2022 đến Ny. (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Y N1:* Bà Nguyễn Thúy T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

- *Những người bị hại:*

+ A1 A A1, sinh năm ….; địa chỉ: Làng K, xã S, huyện H, tỉnh Kon Tum.

(Có mặt);

+ Bà Y B1, sinh năm ….; địa chỉ: Làng L, xã Y, huyện H, tỉnh Kon Tum. (Có mặt);

+ Ông A A2, sinh năm …. (Có mặt);

+ Bà Y B2, sinh năm ….. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Làng O, xã Y, huyện H, tỉnh Kon Tum;

+ Chị Y B3, sinh năm …..; địa chỉ: Thôn G, xã R, huyện H, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt);

+ Chị Cao Thị B4, sinh năm …..; địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện H, tỉnh Kon Tum. (Có mặt);

+ A1 A A3, sinh năm …..; địa chỉ: Làng Đ, xã Y, huyện N, tỉnh Kon Tum. (Có mặt);

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Rơ Châm A4, sinh năm …... (Có mặt);

+ A1 Rơ Châm A5, sinh năm …... (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Làng L, xã Y, huyện H, tỉnh Kon Tum;

+ A1 A A6, sinh năm …..; địa chỉ: Làng O, xã Y, huyện H, tỉnh Kon Tum. (Có mặt);

+ A1 A L, sinh năm …..; địa chỉ: Làng Đ, xã Y, huyện N, tỉnh Kon Tum. (Có mặt);

+ Ông A A7, sinh năm ….. (Có mặt);

+ Bà Y B5, sinh năm ….. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã R, huyện H, tỉnh Kon Tum;

+ Ông A A8, sinh năm ….; địa chỉ: Làng O, xã Y, huyện H, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt);

+ A1 A A9, sinh năm ….. (Vắng mặt);

+ Chị Y B6, sinh năm ….. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Làng T, xã M, huyện H, tỉnh Kon Tum.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Y B7, sinh năm ….; địa chỉ: Thôn X, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt);

+ Chị Y B8, sinh năm ….; địa chỉ: Làng T, xã M, huyện H, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt);

+ Chị Y B9, sinh năm …..; địa chỉ: Thôn G, xã R, huyện H, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt);

+ Chị Y B10, sinh năm ….; địa chỉ: Làng L, xã Y, huyện H. (Có mặt);

+ Chị Y B11, sinh năm …; địa chỉ: Làng Đ, xã Y, huyện N, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối năm 2021, trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Sa Thầy tổ chức buổi giao lưu giữa nhà trường với phụ hB11 học sinh, tại đây Y N (là giáo viên) và Y N1 (phụ hB11 học sinh) có làm quen với nhau. Trong khi trò chuyện, N nói rằng mình có quen biết với lãnh đạo ở tỉnh Kon Tum và huyện Sa Thầy. Vì vậy, thời gian sau đó, khi có người hỏi N1 về vấn đề xin vào làm việc trong các cơ quan Nhà nước, N1 đã liên lạc với N để hỏi ý kiến. Mặc dù bản thân không phải là người có thẩm quyền quyết định, không có khả năng xin việc làm cho người khác, nhưng khi nghe N1 hỏi, N nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền để tiêu xài cá nhân nên đã nhận lời giúp xin việc cho người khác. Trên cơ sở đó, khoảng thời gian từ cuối năm 2021 đến giữa năm 2022, với thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối là có thể xin được việc làm cho người khác, N tự mình và với sự giúp sức của N1 đã chiếm đoạt tổng số tiền 440.000.000 đồng của 06 trường hợp, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Qua giới thiệu của N1, chị Y B7 đã liên lạc với N để xin dạy hợp đồng dài hạn trong ngành giáo dục cho A1 A A1. N đồng ý và yêu cầu nộp 02 bộ hồ sơ cùng 30.000.000 đồng. Ngày 05-10-2021, chị Y B7 dẫn A1 A A1 đi gặp N. N nhận củA A1 A A1 số tiền 30.000.000 đồng rồi dùng tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ hai: Vào khoảng tháng 12/2021, khi biết bà Y B1 muốn xin biên chế ngành Công an cho con trai bà B1 là A1 Rơ Châm A5, Y N1 đã liên lạc với Y N để hỏi ý kiến. N đồng ý nhưng yêu cầu số tiền 70.000.000 đồng, trong đó phải đưa trước 30.000.000 đồng. Bà B1 giao cho N và N1 03 lần với tổng số tiền 70.000.000 đồng, cụ thể: Lần đầu tại một quán cà phê ở thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy (không nhớ địa chỉ và thời gian cụ thể), bà B1 giao 30.000.000 đồng cùng 02 bộ hồ sơ xin việc cho N1 và N. Vài ngày sau, N và N1 yêu cầu bà B1 đưa thêm 20.000.000 đồng. Bà B1 đã nhờ chồng là ông Rơ Châm A4 đưa số tiền này cho N và N1. Một thời gian sau, vào ngày 15-02-2022, theo yêu cầu của N và N1, bà B1 giao thêm cho N và N1 số tiền 20.000.000 đồng.

Sau đó, lấy lý do số tiền 70.000.000 đồng của bà B1 là ít hơn so với các hồ sơ khác, sợ không xin được việc, N, N1 tiếp tục yêu cầu bà B1 phải đưa thêm số tiền 30.000.000 đồng và hứa với bà B1 vào tháng 03/2022 A5 sẽ có việc làm, nếu không xin được thì sẽ trả lại 95.000.000 đồng.

Từ tháng 03/2022 đến tháng 6/2022 bà B1 nhiều lần hỏi N1 về việc làm của A5. N1 nói bà B1 chờ thêm một thời gian. Vì nhiều lần bà B1 hỏi và đòi lại tiền nên N1 đã nói lại cho N nghe. Để kéo dài thời gian, che dấu hành vi lừa đảo của bản thân, N đã sử dụng máy tính cá nhân của mình, tìm kiếm trên mạng và tải về các tài liệu có sẵn chữ ký của ông Lê Ngọc Tuấn và con dấu của Uỷ ban nhân dân tỉnh Kon Tum, rồi chỉnh sửa thành "Quyết định v/v phân công đơn vị công tác đối với công chức mới tuyển dụng năm 2021-2022" có nội dung thể hiện việc phân công công tác đối với Rơ Châm A5 trong lực lượng Công an, sau đó sử dụng điện thoại chụp ảnh và gửi cho N1 để N1 chuyển cho gia đình bà B1 xem.

Vụ thứ ba: Cuối năm 2021, ông A A2 nói với chị Y B10 về chuyện con trai ông là A A6 sắp hết thời gian đi nghĩa vụ, hỏi B10 có biết chỗ nào để xin cho A A6 tiếp tục ở lại làm Công an không?. Y B10 nói lại nội dung này cho N1 nghe. Sau đó, N1 hỏi N về việc xin biên chế cho A A6 thì N đồng ý và yêu cầu số tiền 130.000.000 đồng, đưa trước 50.000.000 đồng. Ông A2 đã giao cho N1 và N 02 lần với tổng số tiền 130.000.000 đồng, cụ thể: Lần thứ nhất vào ngày 29-12-2021, tại nhà của N1, ông A2 đã giao cho N1 số tiền 50.000.000 đồng cùng 02 bộ hồ sơ, N1 hứa với ông A2 nếu không xin được việc cho A6 thì sẽ trả lại tiền. Lần thứ hai vào ngày 15-02-2022 tại quán "Bê thui sân bay" ở thị trấn Sa Thầy, ông A2 đã giao số tiền 80.000.000 đồng cho N1 và N. Một thời gian sau, vì thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên N tự liên lạc với ông A2 để yêu cầu đưa thêm số tiền 20.000.000 đồng nữa. Bà Y B2 (vợ ông A2) là người trực tiếp giao cho N số tiền này.

Sau khi đưa tổng số tiền 150.000.000 đồng nhưng chờ lâu mà không thấy A A6 có quyết định đi làm, ông A2 nhiều lần liên lạc với N để hỏi. Nhằm mục đích kéo dài thời gian, N đã sử dụng máy tính của mình "coppy" mẫu quyết định đã làm giả đối với trường hợp của Rơ Châm A5, rồi chỉnh sửa thành "Quyết định số: 201/QĐ-CATKT ngày 04-7-2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phân công đơn vị công tác đối với công chức mới tuyển dụng năm 2021-2022" mang tên A A6 và đem đi in màu. Vào đầu tháng 07/2022, tại quán "King" ở thị trấn Sa Thầy, N đưa Quyết định này cho ông A2. Ông A2 cầm Quyết định đến Công an xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy để hỏi và được biết đó là quyết định được làm giả. Phát hiện bị lừa nên ông A2 đã làm đơn trình báo đến Công an huyện Sa Thầy. Khi biết ông A2 làm đơn tố cáo, N, N1 hẹn gặp, trả 20.000.000 đồng và xin ông A2 rút đơn.

Vụ thứ tư: Cũng vào cuối năm 2021, khi biết chị Y B3 đang dạy hợp đồng, chị Y B7 nói cho Y B3 biết, Y N và Y N1 có thể xin được việc làm rồi cho B3 số điện thoại của N1. Trong tháng 11/2021, B3 gọi cho N1 hỏi về việc xin biên chế giáo viên cho mình. N1 hỏi ý kiến của N thì N đồng ý và yêu cầu số tiền 85.000.000 đồng, đưa trước 25.000.000 đồng. Sau khi chuẩn bị xong hồ sơ xong, B3 gọi lại cho N1 và được hẹn gặp tại quán cà phê "Ngọc Vin" ở thị trấn Sa Thầy. Tại quán, có sự chứng kiến của chị Y B8 (là cô họ của B3), B3 đã đưa 25.000.000

đồng và 02 bộ hồ sơ cho N1. Vài ngày sau, N1 gọi điện thoại yêu cầu B3 đưa thêm tiền, đồng thời hẹn B3 đến quán "Ngọc Vin" để giao nhận tiền. Vì bận đi làm xa nên B3 nhờ bà Y B5 (mẹ của B3) và chị Y B9 (em gái B3) đến giao cho N1 số tiền 30.000.000 đồng. Một thời gian sau, N1 gọi điện cho B3 nói các bạn khác đã đưa đủ số tiền nên yêu cầu B3 cũng phải đưa đủ số tiền theo thoả thuận. Ngày 25-01-2022, B3 nhờ ông A A7 (cha của B3) đến quán "Ngọc Vin" giao cho N1 thêm 30.000.000 đồng.

Sau khi giao tiền một thời gian nhưng không thấy có kết quả, Y B3 nhiều lần gọi điện cho N1 để hỏi và yêu cầu trả lại tiền. N1 trả lời, do phòng giáo dục làm việc chậm trễ nên phải đợi, đồng thời N1 cũng nói lại cho N biết về việc B3 đòi lại tiền. Nghe vậy, N đã chuyển tiền cho N1 để trả bớt cho B3. Vào ngày 06-4-2022, N1 gọi cho B3 nói do giải quyết công việc chậm trễ nên chuyển trả lại cho B3 số tiền 20.000.000 đồng.

Một thời gian sau, vì cần tiền tiêu xài nên N đã gọi điện cho B3, xưng mình là cán bộ ở Phòng giáo dục và yêu cầu B3 chuyển 5.000.000 đồng vào tài khoản của N1 để lấy tiền lo cho đơn vị công tác mới. Vào ngày 22-6-2022, B3 chuyển vào tài khoản của N1 số tiền 5.000.000 đồng, sau đó N1 đã chuyển số tiền này lại cho N. (số tiền 5.000.000 đồng nàY N không nói với N1 là tiền gì, chỉ dặn khi B3 chuyển tiền tới thì chuyển lại cho N).

Vụ thứ năm: Khoảng tháng 01/2022, trong khi nói chuyện, biết chị Cao Thị B4 đang làm hồ sơ xin vào làm việc tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Sa Thầy, N1 đã gọi hỏi ý kiến N. Sau khi được N đồng ý, N1 nói với chị B4 rằng N quen biết nhiều lãnh đạo ở tỉnh Kon Tum, có khả năng xin việc cho chị B4 nhưng chị B4 phải chi số tiền 80.000.000 đồng, đưa trước 40.000.000 đồng. Khoảng nửa tháng sau, tại một quán bún ốc ở thị trấn Sa Thầy, chị B4 đã đưa 02 bộ hồ sơ xin việc cùng số tiền 40.000.000 đồng cho N1 và N.

Vụ thứ sáu: Vào tháng 4/2022, khi biết A1 A A3 muốn tìm người giúp đỡ trong kỳ thi tốt nghiệp phổ thông trung học, chị Y B10 đã hỏi N có giúp được cho A3 hay không. N đồng ý và yêu cầu số tiền 30.000.000 đồng, nhưng thấy hoàn cảnh khó khăn của A3, N giảm xuống còn 25.000.000 đồng. Vào ngày 15-4-2022, vì A3 không có tiền nên N1 đã cho A3 mượn 20.000.000 đồng, sau đó N1, B10, A3 và chị Y B11 (chị ruột của A A3) cùng nhau đi đến quán cà phê "Bờ hồ" ở thị trấn Sa Thầy gặp N. Tại đây, A3 đưa cho N số tiền 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 5.000.000đồng, N nói A3 sau này đưa cho N1 để N1 chuyển lại cho N.

Ngày 18-4-2022, A3 đến nhà N1 trả số tiền 20.000.000 đồng và đưa thêm 5.000.000 đồng nhờ N1 đưa cho N. Một thời gian sau, vì thiếu tiền tiêu xài nên N đã tiếp tục yêu cầu A3 chuyển cho N thêm 5.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền của 06 trường hợp nêu trên, cả Y N, Y N1 đều không liên hệ xin việc như đã hứa với những người bị hại, mà dùng tiền để tiêu xài cá nhân.

Kết luận giám định số: 140/KL-KTHS ngày 08-7-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kon Tum, đối với "Quyết định số: 201/QĐ-CATKT ngày 04/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phân công đơn vị công tác đối với công chức mới tuyển dụng năm 2021-2022", xác định: Hình dấu tròn nội dung "ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM" trên tài liệu cần giám định là giả. Chữ ký đứng tên Lê Ngọc Tuấn trên tài liệu cần giám định là giả.

Tại Bản cáo trạng số: 02/CT-VKSST ngày 03-4-2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy truy tố Y N về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Truy tố Y N1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định việc truy tố Y N và Y N1, là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Y N phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tuyên bố bị cáo Y N1 phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Y N mức án từ 05 năm đến 06 năm tù về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Y N mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức";

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự; buộc bị cáo Y N phải chấp hành hình phạt chung của các tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Y N1 mức án từ 03 năm đến 04 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc 02 bị cáo phải bồi thường số tiền chiếm đoạt còn lại cho những người bị hại.

3. Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu, lưu theo hồ sơ: 02 túi đựng hồ sơ cùng ghi các thông tin bên ngoài giống nhau của ông A A1; 01 đơn xin việc (bản gốc), 01 sơ yếu lý lịch tự thuật (bản gốc), 01 sổ hộ khẩu (bản sao y) và 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (bản sao y); tất cả các giấy tờ trên đều mang tên A A6;

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước: 02 chiếc điện thoại di động, 01 máy tính cá nhân (*Laptop*) đã thu giữ của Y N và Y N1;

- Trả lại cho bị cáo Y N: 02 túi đựng hồ sơ cùng ghi thông tin của ông A A8; 01 túi đựng hồ sơ ghi thông tin của ông A Sỹ Đông.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo; biết ăn năn, hối cải. Khi nói lời sau cùng, cả 02 bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Những bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Y N1 nhất trí với tội dA1 và các tình tiết tăng nặng – giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo Y N1, như đề nghị của Viện kiểm sát. Bên cạnh đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết, bị cáo hiện là lao động chính trong gia đình, đồng thời Y N1 cũng là nạn nhân, do tin lời của Y N nên mới phạm tội, từ đó xét xử bị cáo mức án 02 năm 06 tháng tù; miễn án phí cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được trA1 tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sa Thầy và Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy đã thực hiện đúng trình tự, thẩm quyền các thủ tục tiến hành tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị hại – chị Y B3; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – A1 A A9, chị Y B6; người làm chứng – chị Y B9, chị Y B7 và chị Y B8 đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Y N và bị cáo Y N1 khai nhận hành vi của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy đã nêu. Lời khai của hai bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án; nên có đủ cơ sở kết luận về hành vi của các bị cáo như sau: Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2021 đến giữa năm 2022, Y N đã 06 lần đưa ra thông tin gian dối (rằng, bản thân có khả năng xin được việc làm trong các cơ quan Nhà nước, ngành Công an, Giáo dục) để chiếm đoạt tổng số tiền 440.000.000

đồng, trong đó: Chiếm đoạt củaA A1 A A1 30.000.000đồng, bà Y B1 100.000.000đồng, vợ chồng ông A A2 – bà Y B2 150.000.000đồng, chị Y B3 90.000.000đồng, chị Cao Thị B4 40.000.000đồng và A1 A A3 là 30.000.000đồng. Đối với Y N1, với mục đích nhận được tiền "Hoa hồng" từ Y N, N1 đã có những việc làm giúp sức (như tự liên hệ rồi giới thiệu các bị hại cho N, nhận tiền, hồ sơ hoặc cùng Y N nhận tiền, hồ sơ, hứa hẹn xin việc), tạo điều kiện để Y N chiếm đoạt số tiền 355.000.000 đồng/440.000.000 đồng, trong đó: Của vợ chồng ông A A2 130.000.000đồng, bà Y B1 100.000.000đồng, chị Y B3 85.000.000đồng, chị Cao Thị B4 40.000.000đồng. Hành vi này của hai bị cáo đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Riêng đối với các khoản tiền: 20.000.000đồng nhận từ bà Y Plứt (vợ ông A A2), 5.000.000đồng N yêu cầu chị Y B3 chuyển vào tài khoản Y N1 để N1 chuyển lại cho N: Là do một mình N tự đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt, Y N1 không biết, không được bàn bạc nên không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hai khoản tiền vừa nêu. Bên cạnh đó, trong trường hợp củA A1 A A1: Bị cáo Y N1 chỉ giới thiệu A A1 cho Y N để A A1 tự liên hệ, thỏa thuận với N. Tương tự là trường hợp củA A1 A A3: Y N1 chỉ cho A A3 mượn số tiền 20.000.000đồng và nhận của A A3 5.000.000đồng để chuyển lại cho Y N. N1 không biết, không tham gia bàn bạc, không được hưởng lợi từ hành vi phạm tội của N, nên không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hai trường hợp này.

[4] Ngoài ra, sau khi bà Y B1 và ông A A2 nhiều lần hỏi về việc xin biên chế cho Rơ Châm A5, A A6 và yêu cầu trả lại tiền, nhằm mục đích kéo dài thời gian, che dấu hành vi lừa đảo của mình, Y N đã làm giả 01 "Quyết định v/v phân công đơn vị công tác đối với công chức mới tuyển dụng năm 2021-2022" có nội dung thể hiện việc phân công công tác đối với Rơ Châm A5, rồi dùng điện thoại chụp ảnh Quyết định này và gửi cho N1 để N1 chuyển cho gia đình bà B1 xem; làm giả 01 "Quyết định số: 201/QĐ-CATKT ngày 04-7-2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phân công đơn vị công tác đối với công chức mới tuyển dụng năm 2021-2022" mang tên A A6 và đem đi in màu rồi đưa Quyết định này cho ông A A2. Hành vi này của Y N đã phạm vào tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[5] Bởi vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy truy tố Y N, Y N1 theo các điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[6] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo Y N và bị cáo Y N1 là rất nguy hiểm cho xã hội. Cả hai bị cáo trước đây đều là cán bộ, viên chức Nhà nước, có trình độ học vấn, nhận thức được việc làm của bản thân là xâm phạm nghiêm trọng đến tài sản của những người bị hại, vi phạm pháp luật. Nhưng, với bản tính hám lợi, thích hưởng thụ, các bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi của Y N, Y N1 thể hiện rõ ý thức

coi thường pháp luật, xem nhẹ quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác của các bị cáo; đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính Nhà nước; gây bất bình trong quần chúng nhân dân; làm mất trật tự trị an tại địa A4. Các bị cáo phạm tội mang tính đồng phạm giản đơn, trong đó Y N là người khởi xướng, thực hành và lôi kéo Y N1 cùng thực hiện tội phạm. Y N1 vừa là người giúp sức tích cực cho Y N trong quá trình phạm tội.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Trong vụ án này, Y N đã 06 lần thực hiện hành vi phạm tội, Y N1 04 lần thực hiện hành vi phạm tội; nên cả 02 bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Y N và Y N1 thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; đã tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả do bản thân gây ra – đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà cả hai bị cáo được hưởng. Riêng đối với Y N hiện đang mang thai nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, hai bị cáo đều có cha là người có công với đất nước; trong quá trình công tác trước khi phạm tội cả N và N1 đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, có nhiều cống hiến, được tặng giấy khen; tại phiên tòa các bị cáo được những người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; hai bị cáo đều là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con nhỏ. Do vậy, mỗi bị cáo được hưởng thêm 04 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Như vậy, đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: Cả bị cáo Y N và bị cáo Y N1 đều chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ (như đã phân tích); trước khi phạm tội, cả hai đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bên cạnh đó, bị cáo Y N1 có vai trò thứ yếu, chủ yếu giúp sức cho Y N thực hiện tội phạm, số tiền bị cáo được hưởng lợi không lớn, và đến Ny đã tự nguyện hoàn trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Xét về nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của Y N1, một phần là do bị cáo chủ quan, quá tin tưởng vào bị cáo Y N. Bởi vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, cho các bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo bị xét xử đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, là phù hợp, trong đó bị cáo Y N phải chịu mức án cao hơn mức án của bị cáo Y N1.

[10] Về hình phạt bổ sung: Cả 02 bị cáo đều là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và là lao động chính trong gia đình, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[11] Hồ sơ vụ án và kết quả trA1 tụng tại phiên tòa còn thể hiện: Một phần nguyên nhân dẫn đến việc Y N, Y N1 thực hiện hành vi lừa đảo đối với ông A

A2, A1 A A3, chị Y B3, A1 A A1 bắt nguồn từ sự giới thiệu của chị Y B10 và chị Y B7. Tuy nhiên, khi giới thiệu, chị B10 và chị B7 hoàn toàn không biết mục đích của Y N và Y N1, không được hưởng lợi gì từ việc phạm tội của hai bị cáo. Do đó, không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với chị Y B10 và chị Y B7.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và chuẩn bị xét xử, bị cáo Y N đã trả lại cho ông A A2 30.000.000đồng đồng, A1 A A1 30.000.000đồng, bà Y B1 25.000.000đồng, chị Y B3 50.000.000đồng, A1 A A3 15.000.000 đồng, chị Cao Thị B4 25.000.000đồng. Bị cáo Y N1 đã trả lại cho chị Cao Thị B4 10.000.000đồng, đồng thời tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy số tiền 95.000.000đồng để khắc phục hậu quả.

[3] Tại phiên tòa, A1 A A1 không yêu cầu bồi thường gì thêm; những người bị hại còn yêu cầu hai bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt còn lại. Các bị cáo chấp nhận bồi thường cho các bị hại; đồng thời giữa hai bị cáo và những người bị hại tự nguyện thỏa thuận: Bị cáo Y N trả lại cho: Vợ chồng ông A A2 105.000.000 đồng, bà Y B1 45.000.000 đồng, chị Y B3 5.000.000đồng, A1 A A3 10.000.000đồng, chị Cao Thị B4 5.000.000 đồng. Bị cáo Y N1 trả lại cho: Vợ chồng ông A A2 15.000.000 đồng, bà Y B1 30.000.000 đồng, chị Y B3 35.000.000 đồng, A1 A A3 5.000.000 đồng. Xét yêu cầu của những người bị hại, ý kiến của các bị cáo là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Đối với số tiền 95.000.000đồng do A1 A L(chồng Y N1) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy: Tại phiên tòa, bị cáo N1 và A1 A Lõi đều khai nhận đây là tài sản chung của hai vợ chồng, A1 A lõi tự nguyện bỏ một phần trong tổng số tiền vừa nêu để cùng bị cáo N1 trả lại cho những người bị hại và không yêu cầu bị cáo N1 phải hoàn trả.

[15] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ: 01 điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, màu trắng, mặt sau có ghi chữ "Iphone", đã qua sử dụng của Y N; 01 điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO màu xA1 đen, đã qua sử dụng của Y N1; 02 túi đựng hồ sơ cùng ghi các thông tin củA A1 A A1; 01 đơn xin việc, 01 sơ yếu lý lịch tự thuật, 01 sổ hộ khẩu (bản sao y) và 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (bản sao y); tất cả các giấy tờ trên đều mang tên A A6. 01 máy tính cá nhân (*Laptop*) nhãn hiệu DELL của Y N.

[16] Xét thấy: 02 chiếc điện thoại và chiếc máy tính là A4 tiện bị cáo Y N và bị cáo Y N1 sử dụng vào việc phạm tội, nên tích thu nộp ngân sách Nhà nước. Các tài liệu còn lại là chứng cứ chứng minh việc phạm tội của các bị cáo, chủ sở hữu các tài liệu này không yêu cầu nhận lại, nên chuyển lưu cùng hồ sơ vụ án.

[17] Ngoài ra, trong quá trình khám xét nơi ở của Y N, Cơ quan Công an còn thu giữ: 02 túi đựng hồ sơ của ông A A8 và 01 túi đựng hồ sơ ghi thông tin củA A1 A Sỹ Đông: Đây là các hồ sơ do ông A A8 và vợ chồng A1 A A9 – chị

Y B6 giao cho các bị cáo, nhưng không liên quan đến vụ án. Tại phiên tòa ông A A8, A1 A A9 và chị Y B6 đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với các hồ sơ này, nên trả lại cho bị cáo.

[18] Theo lời khai của các bị cáo, người bị hại: Qúa trình phạm tội, Y N và Y N1 có nhận hồ sơ xin việc của một số người bị hại khác trong vụ án. Tuy nhiên, sau đó các bị cáo đã làm thất lạc, quá trình điều tra không thu giữ được, nên không có cơ sở để xử lý. Tại phiên tòa, người bị hại cũng không có yêu cầu liên quan đến các hồ sơ bị thất lạc.

[19] Về án phí: Bị cáo Y N và Y N1 đều là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Y N phạm các tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Bị cáo Y N1 phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, điểm n và điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 và Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Y N 05 (Năm) năm tù về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s, điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Y N 02 (Hai) năm tù về tội: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo Y N phải chấp hành hình phạt chung của tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" là 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 05-7-2022 đến ngày 01-02-2023).

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b và điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 và Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Y N1 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 12-12-2022).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Y N và bị cáo Y N1.

2. Về trách nhiệm dân sự: *Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 274, 275, 579 và 580, khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;*

- Buộc bị cáo Y N phải hoàn trả cho những người bị hại các khoản tiền cụ thể như sau:

+ Vợ chồng ông A A2 – bà Y B2 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng);

+ Bà Y B1 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng);

+ Chị Y B3 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);

+ A1 A A3 10.000.000đồng (Mười triệu đồng);

+ Chị Cao Thị B4 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu vợ chồng ông A A2 – bà Y B2, bà Y B1, chị Y B3, A1 A A3, chị Cao Thị B4 có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Y N không trả đủ các khoản tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả là 10%/năm.

- Buộc bị cáo Y N1 phải hoàn trả cho những người bị hại các khoản tiền cụ thể như sau:

+ Vợ chồng ông A A2 – bà Y B2 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng);

+ Bà Y B1 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);

+ Chị Y B3 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng);

+ A1 A A3 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Toàn bộ số tiền bị cáo Y N1 phải hoàn trả nêu trên được khấu trừ vào số tiền 95.000.000đồng mà vợ chồng bị cáo Y N1 – A1 A Lõi đã nộp (do A1 A Lõi trực tiếp nộp) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy, theo Biên lai thu tiền số AA/2021/ 0001611 ngày 09-5-2023 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, vợ chồng ông A A2 – bà Y B2, bà Y B1, chị Y B3, A1 A A3 được quyền liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy để nhận số tiền mà mỗi người được hoàn trả.

A1 A Lđược quyền liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy để nhận lại số tiền đã nộp khắc phục hậu quả còn lại là 10.000.000đồng (Mười triệu đồng), theo Biên lai thu tiền số AA/2021/ 0001611 ngày 09-5-2023 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy.

3. Về xử lý vật chứng: *Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;*

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, màu trắng, mặt sau có ghi chữ "Iphone", đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO màu xA1 đen, đã qua sử dụng; 01 máy tính cá nhân (*Laptop*) nhãn hiệu DELL.

- Chuyển lưu vào hồ sơ vụ án:

+ 02 túi đựng hồ sơ cùng ghi các thông tin bên ngoài giống nhau của ông A A1. Bên trong mỗi túi đựng hồ sơ đều gồm có các tài liệu sau: 01 Giấy xác nhận hạnh kiểm (bản gốc), 01 đơn xin việc (bản gốc), 01 sơ yếu lý lịch tự thuật (bản gốc), 01 sổ hộ khẩu (bản sao y), 01 bằng tốt nghiệp cao đẳng (bản sao y), 01 chứng chỉ tin học ứng dụng (bản sao y), 01 chứng chỉ môn giáo dục thể chất (bản sao y), 01 chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh (bản sao y), 01 chứng chỉ ngoại ngữ (bản sao y), 01 bảng điểm học tập toàn khóa (bản sao y). Ngoài ra, trong hai túi đựng hồ sơ trên thì một túi hồ sơ có thêm 01 giấy khám sức khỏe (bản gốc), 01 giấy chứng minh nhân dân (bản sao y) và túi đựng hồ sơ còn lại có thêm 01 giấy khám sức khỏe (bản phô tô). Tất cả các giấy tờ trên đều mang tên A A1;

+ 01 tập tài liệu gồm: 01 đơn xin việc (bản gốc), 01 sơ yếu lý lịch tự thuật (bản gốc), 01 sổ hộ khẩu (bản sao y) và 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (bản sao y). Tất cả các giấy tờ trên đều mang tên A A6.

Chi cục Thi hành án dân sự có trách nhiệm chuyển giao các tài liệu chứng cứ nêu trên cho Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy để chuyển lưu vào hồ sơ vụ án.

- Hoàn trả lại cho bị cáo Y N:

+ 02 túi đựng hồ sơ cùng ghi các thông tin bên ngoài giống nhau của ông A A8. Bên trong mỗi túi đựng hồ sơ đều gồm có các tài liệu sau: 01 giấy khai sinh (bản sao y), 01 giấy chứng nhận kết quả học tập trung học phổ thông (bản gốc), 01 bằng tốt nghiệp trung học cơ sở (bản sao y), 01 học bạ bổ túc trung học cơ sở (bản sao y), 01 số hộ khẩu (bản sao y), 01 căn cước công dân (bản sao y). Tất cả các giấy tờ trên đều mang tên A A8;

+ 01 túi đựng hồ sơ ghi thông tin của ông A Sỹ Đông (SN: 2003, trú tại Làng T, xã M, huyện H, tỉnh Kon Tum). Bên trong túi đựng hồ sơ gồm có các tài liệu sau: 01 sổ hộ khẩu (bản sao y), 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (bản sao y) và 01 giấy chứng minh nhân dân (bản sao y). Tất cả các giấy tờ trên đều mang tên A SỸ ĐÔNG.

Các vật chứng, tài sản nêu trên như được ghi tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04-4-2023 giữa Công an huyện Sa Thầy và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy.

4. Về án phí: *Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;*

- Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Y N và bị cáo Y N1.

5. Về kháng cáo: *Áp dụng các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;*

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 19-10-2023), các bị cáo; những người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm. Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND t. Kon Tum;
- VKSND t. Kon Tum;
- VKSND h. Sa Thầy;
- Công an h. Sa Thầy;
- Chi cục THADS h. Sa Thầy;
- Bị cáo; người TGTT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Trường Thọ